

Số: **0157** /BC-KTTC

V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 4 năm 2019 biến động giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2018 như sau:


- Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2018 là: 7.751.601.057 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2019 là: (1.329.732.925) đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.931.786.752	119.491.053.260	1.440.733.492
2	Giá vốn hàng bán	82.751.277.305	81.886.683.321	864.593.984
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.180.509.447	37.604.369.939	576.139.508
4	Doanh thu hoạt động tài chính	427.721.685	43.392.359	384.329.326
5	Chi phí tài chính	610.154.688	325.263.262	284.891.426
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>610.154.688</i>	<i>325.263.262</i>	<i>284.891.426</i>
6	Chi phí bán hàng	23.594.675.131	15.689.326.447	7.905.348.684
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.562.703.950	12.171.407.465	391.296.485
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.840.697.363	9.461.765.124	(7.621.067.761)
9	Thu nhập khác	(3.403.822.723)	197.373.427	(3.601.196.150)
10	Chi phí khác	5.231.458	101.963.147	(96.731.689)
11	Lợi nhuận khác	(3.409.054.181)	95.410.280	(3.504.464.461)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.568.356.818)	9.557.175.404	(11.125.532.222)
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(238.623.893)	1.805.574.347	(2.044.198.240)
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.329.732.925)	7.751.601.057	(9.081.333.982)

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2019 giảm 9.081.333.982 đồng so với quý 4 năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.440.733.492 đồng do: + Sản lượng nước bán ra tăng 316.583 m ³ . + Đơn giá nước bán ra tăng 255 đồng/m ³ .
(2)	Giá vốn hàng bán tăng 864.593.984 đồng do: + Đơn giá nước mua vào tăng 212 đồng/m ³ .
(3)	Từ điểm (1) và (2) trên, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 576.139.508 đồng (= 1.440.733.492 – 864.593.984)
(4)	Doanh thu hoạt động tài chính tăng 384.329.326 đồng do Công ty tận dụng số tiền nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại.
(5)	Chi phí tài chính tăng 284.891.426 đồng do khoản lãi vay phát sinh không đủ điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay để đầu tư xây dựng cơ bản chống thất thoát nước
(6)	Chi phí bán hàng tăng 7.905.348.684 đồng chủ yếu là do tăng chi phí sửa chữa ống mương chống thất thoát nước các tuyến ống cấp nước trên địa bàn Quận 1, Quận 3.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 391.296.485 đồng tăng chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty Quý 4 năm 2019 giảm 7.621.067.761 đồng.
(9)	Thu nhập khác giảm 3.601.196.150 đồng do hoàn trả 3.493.443.000 đồng cho Ban Quản lý đường sắt Đô thị theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước đối với dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành – Suối Tiên.
(10)	Chi phí khác giảm 96.731.689 đồng do Quý 4 năm 2019, Công ty không có các hoạt động thanh lý công cụ dụng cụ như Quý 4 năm 2018, nên không phát sinh các chi phí liên quan.
(11)	Từ điểm (9) và (10) dẫn đến Lợi nhuận khác giảm 3.504.464.461 đồng.
(12)	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 7.621.067.761 đồng, lợi
(13)	nhuận khác giảm 3.504.464.461 đồng, nên Tổng lợi nhuận kế toán trước
(14)	thuế giảm 11.125.532.222 đồng. Từ đó, dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2019 giảm 2.044.198.240 đồng.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2019 của Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KTTC, VT



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Thành Phúc